

TÌM HIỂU THỂ LOẠI VẤN TRONG SÁNG TÁC CỦA THIỀN SƯ TOÀN NHẬT QUANG ĐÀI

Phan Thạnh

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

Email: thichchandao@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/11/2019; ngày hoàn thành phản biện: 3/01/2020; ngày duyệt đăng: 02/4/2020

TÓM TẮT

Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài không những là một cao Tăng của Phật giáo Việt Nam mà còn là một tác gia lớn của nền văn học Việt Nam. Đến nay, vị trí của thiền sư trong nền văn học dân tộc vẫn chưa tương xứng với số lượng tác phẩm đồ sộ mà thiền sư để lại. Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài sáng tác nhiều thể loại, trong đó thể Văn là sự lựa chọn nổi bật. Tìm hiểu thể loại Văn không chỉ giúp chúng ta đánh giá đóng góp của thiền sư mà còn có cái nhìn tổng quát hơn về đặc điểm của vùng văn học Thuận Quảng.

Từ khóa: Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài, Thể loại, Sáng tác, Văn.

Vùng văn học Thuận Quảng được định hình và phát triển với sự xuất hiện mang tính chất hoạch định của Đào Duy Từ bằng hai bài văn đầy giá trị. Thể loại này là sự lựa chọn của thời đại, của thực tiễn tình hình văn học mang tính chất vùng lãnh thổ. Với vùng văn học Thuận Quảng, thể loại văn là thể loại ưu trội góp phần tạo nên diện mạo và đặc điểm văn học vùng này. Sau Đào Duy Từ đã có nhiều tác giả dùng thể loại văn để sáng tác và đạt nhiều thành tựu. Đến cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, thể loại văn đạt đỉnh cao với số lượng tác phẩm đồ sộ của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài. Thể loại văn trong sáng tác của thiền sư có vị trí và ý nghĩa quan trọng.

1. VĂN - TỪ KHÁI NIỆM ĐẾN THỂ LOẠI VĂN HỌC

Theo *Từ điển Thiều Chửu* thì *Văn*: kéo lại. Lời văn: lời viếng thương kẻ chết gọi là văn ca. *Văn ca*: tiếng họa lại của kẻ cầm phát đi theo xe tang, vì thế nên đời sau gọi viếng người chết là văn.

Hình Phước Liên cho rằng “Về mặt từ ngữ *Văn*, *Ngâm*, *Khúc*, *Oán*, *Thán ca*, *Từ*, *Hành*... đều có nguồn gốc từ trong thư tịch cổ Trung Hoa. *Văn* là viếng người chết; văn là bài ca điệu người chết”. [...] “Theo các tài liệu, từ điển xưa và nay đều định nghĩa

Văn là bài ca ai điệu. Ở Trung Quốc, từ thời Xuân Thu - Chiến Quốc đã có thể loại này, gồm phần âm nhạc và ca từ hợp thành được dùng để hát lên trong tang lễ (chủ yếu là giai cấp trên). Đến thời Hán Ngụy (sau khi nhà Ngụy diệt xong Tây Thục và Đông Ngô) *Văn ca* được triều đình quy định như một lễ tục trong tang lễ"[3]. Như vậy, *Văn* hay *Văn ca* là những lời thương tiếc đối với người đã chết.

Văn đã tồn tại và phát triển trở thành một thể loại văn học. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi thì *Văn* đồng nghĩa với *Ngâm khúc* là "một thể loại và là thể thơ trữ tình dài hơi thường được làm theo thể song thất lục bát để ngâm nga, than vãn nhằm bộc lộ những tâm trạng tình cảm buồn phiền đau xót triền miên day dứt"[5, tr.49]. Trong *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Trần Đình Sử xếp *văn* và tán vào thể loại thơ ngợi ca. Nói về nguyên tác *Chinh phụ ngâm*, ông cho rằng "Đặng Trần Côn sáng tạo ra thể *ngâm để thương tiếc tuổi trẻ*, và cùng nội dung này mà thể *ngâm thông với thể văn như Ai tư vãn* của công chúa Ngọc Hân - bài ca đưa linh, đưa tang (phân biệt với *Phóng cường ngâm*, *Tư Dung vãn*, *Ngọa long cương vãn* có tính chất ngợi ca, tiến cử, bằng thể lục bát, do chữ *văn* còn có nghĩa đề cao, cất nhắc)"[4, tr.182].

Văn được xem là một trong những thể loại của văn học dân tộc. Trần Đình Sử cho rằng "thơ Tiếng Việt với các hình thức và thể loại được hình thành và chín muồi: Lục bát, Song thất lục bát, Đường luật, Diễn ca, truyện Nôm, Ngâm khúc, Văn, Hát nói"[4, tr.105]. Ông đã đánh giá "việc sáng tạo ra các khúc *ngâm*, *văn* là một sáng tạo thể loại độc đáo của thi ca Việt Nam. Sự xuất hiện thể loại đánh dấu nhu cầu một nội dung biểu đạt mới"[4, tr.181]. Tác giả Đào Thị Thu Thủy trong *Về thể loại ngâm khúc* cũng cho rằng *văn* là tên gọi khác của *Ngâm khúc*, "các khái niệm thường được dùng để gọi tên tác phẩm *Ngâm khúc* là: "khúc", "văn", "than", "oán", "ngâm khúc"..."[7, tr.144].

Trong công trình *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ văn trong văn học Việt Nam*, Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức cho rằng: "Trong văn học nước ta, về với *văn* có thể có chỗ giống nhau, nhất là về hình thức thơ, nhưng không phải đồng nhất với nhau. Về và *Văn* cũng gốc từ dân gian, về thiên về tự sự, còn *văn* thiên về trữ tình. Nói chung về vui mà *văn* buồn hơn, vì có tâm sự. [...] Rút cục *văn* chỉ còn rút lại một số bài trong văn học viết, thí dụ *Chung tình trách vãn* (khuyết danh), *Ngọa Long cương vãn* (Đào Duy Từ)... Như vậy, so với *Về* thì *Văn* là một thể thơ ca được nâng cao, về sau được đưa vào văn học viết và người ta chia ra *văn* hai, *văn* ba, *văn* tư... *văn* lục bát tức là thể hai từ, 3 từ, 4 từ... lục bát"[1, tr.204].

Đánh giá nội dung thể loại *văn* trong văn học Phật giáo, Nguyễn Thị Việt Hằng cho rằng: "Nếu như *Văn* mang hai ý nghĩa là những bài văn điệu và những khúc *ngâm* ngợi ca thì thể loại *Văn* trong văn học Phật giáo mang ý nghĩa thứ hai. Hầu hết *Văn* của văn học Phật giáo thế kỷ XVII - XIX đều là những bài ca, tán tụng Phật giáo, do đó có

thể hiểu thể *Văn* ở đây là tác phẩm diễn ca chủ yếu viết bằng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát và chữ Nôm, thuật lại tư tưởng hoặc các câu chuyện Phật giáo với mục đích tán tụng, ngợi ca”[2, tr.122].

Về mặt hình thức thì thể *Văn* trong Văn học trung đại Việt Nam được viết theo thể thơ lục bát, song thất lục bát - thể thơ của dân tộc Việt.

Ngôn ngữ được sử dụng trong thể *Văn* là chữ Nôm - ngôn ngữ của chính dân tộc ta sáng tạo nên.

Như vậy, *Văn* là một thể thơ dân tộc, có đặc trưng gần giống *Ngâm khúc* nhưng không phải *Ngâm khúc*. Ranh giới giữa *Văn* và *Ngâm khúc* vẫn chưa phân định rõ ràng, nhưng *Văn* vẫn tồn tại như một hình thức thể loại văn học riêng biệt. Giống như *Truyện Nôm*, *Ngâm Khúc*, *Hát nói*, *Văn* là một thể loại văn học thuần túy Việt Nam, khẳng định sự sáng tạo của văn học Việt Nam.

2. VĂN - MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC NỔI BẬT TRONG SÁNG TÁC CỦA THIỀN SƯ TOÀN NHẬT QUANG ĐÀI

2.1. Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài và sự nghiệp sáng tác

Thiền sư Toàn Nhật sinh năm 1757 ở vùng Thuận Quảng. Năm Giáp Dần 1794, Toàn Nhật xuất gia với thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm tại Phú Yên, thuộc dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Thiền sư viên tịch vào năm 1834. Thiền sư Toàn Nhật là một thiền sư nổi tiếng đối với Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo xứ Thuận Quảng nói riêng. Đồng thời, thiền sư còn là một tác gia văn học lớn với số lượng tác phẩm đồ sộ.

Sáng tác của Toàn Nhật thiền sư chủ yếu được viết bằng chữ Nôm, trừ một tiểu luận *Sa Di oai nghi tăng chú giáo nguy tư tiểu thiên* và ba bài bạt, 14 bài thơ viết bằng chữ Hán. Theo thống kê của tác giả Lê Mạnh Thát trong *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài* thì sáng tác của thiền sư Toàn Nhật gồm có 20 tác phẩm, 30 bài thơ Nôm và 14 bài thơ chữ Hán. Với số lượng tác phẩm như thế, chúng ta có thể thấy được phần nào sự nghiệp sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài. Lê Mạnh Thát nhận xét rằng “Toàn Nhật là một trong những nhà văn, nhà thơ lớn của lịch sử văn học dân tộc ta. Nói Toàn Nhật là một nhà thơ, nhà văn lớn của lịch sử văn học dân tộc, bởi trong kho tàng văn học cổ điển Việt Nam chưa bao giờ có một nhà thơ, nhà văn để lại một số lượng lớn tác phẩm bằng tiếng quốc âm (chữ Nôm) như Toàn Nhật. Chỉ với số lượng đó thôi, nó đã biểu thị không những sức sống dào dạt của dân tộc đang dâng lên, thể hiện qua tiếng nói nhân dân và kết tinh thành những tác phẩm, mà còn chứng tỏ sức sống ấy đã được giải phóng từ cuộc cách mạng vĩ đại của Tây Sơn để nhà thơ có thể nói lên tiếng nói trung thực của mình”[6, tập 1, tr.10-11].

Đề cập khía cạnh tư tưởng của Toàn Nhật trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, Lê Mạnh Thát cho rằng: “Là một nhà tư tưởng có những quan điểm độc đáo đầy sáng tạo đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam, bởi Toàn Nhật đã nêu lên trong thời đại mình những luận đề hết sức mới mẻ và táo bạo, liên quan tới vấn đề chống tôn quân, vấn đề lao động và bản chất của các vấn đề nhân đạo và chiến đấu. Đây là những luận đề mà ta rất hiếm gặp, nếu không nói là chưa bao giờ gặp trong những tác phẩm của lịch sử tư tưởng Việt Nam” và “ở Toàn Nhật ta sẽ thấy Phật giáo đã tiếp thu như thế nào qua bản lĩnh và yêu cầu khách quan của dân tộc ta, đã nhào nặn trong thực tiễn Việt Nam nhuần nhuyễn tới mức nào, để đáp lại cái bản lĩnh và yêu cầu khách quan đó. Tác phẩm của Toàn Nhật sẽ cho ta thấy trong vườn hoa muôn màu của tư tưởng Phật giáo, người dân Việt qua Toàn Nhật đã lựa chọn và chấp nhận những bông hoa nào” [6, tập 1, tr.11].

Có thể nói rằng, Toàn Nhật là một thiền sư lỗi lạc của Phật giáo Việt Nam và là một tác gia lớn của văn học Việt với nhiều tư tưởng tiến bộ.

2.2. Sự lựa chọn thể loại Văn trong bức tranh văn học vùng

Bước sang thế kỷ XVII, đất nước bước vào một giai đoạn lịch sử đầy biến thiên. Chiến tranh Đàng Trong - Đàng Ngoài liên tục gần hai thế kỷ, thêm cuộc nổi dậy của Tây Sơn khiến cho đất nước không một ngày bình ổn. Sống trong sự biến động đó, quần chúng nhân dân không còn tâm trạng để nghĩ đến việc cảm nhận văn học cao sang mà chỉ tiếp nhận những tác phẩm gần gũi, dễ hiểu, dễ thuộc. Hướng hồ những giáo lý Phật đà hết sức thâm viễn, khó mà chuyển tải đến tầng lớp quần chúng nhân dân nên Toàn Nhật thiền sư đã lấy chất liệu dân gian để sáng tác và truyền bá tư tưởng của mình.

Trong văn học Đàng Trong, thể loại Văn là sự lựa chọn tiêu biểu và tạo nên sự khác biệt so với vùng văn học Đàng Ngoài, bởi vai trò, vị trí của thể loại trong tổng thể văn học vùng này. Thể văn không phải là thể loại mới nhưng có tính chất của một thể loại gần dân gian, thiên về hình thức trình diễn. Nếu như thể văn ở Đàng Ngoài chỉ là một dấu cộng thêm của các tác giả thì về, văn ở Đàng Trong lại xuất phát từ phương thức tư duy nghệ thuật. Từ thực tiễn nhu cầu thẩm mỹ, văn học Đàng Trong tồn tại trên/trong trục trình diễn. Phật giáo Thuận Quảng - Đàng Trong đi theo hướng đó để truyền giảng tư tưởng một cách uyển chuyển.

Có thể nhận thấy rằng, sau thế kỷ XVII, sức sáng tạo văn học của dân tộc không còn bị gò ép ở trong *cửa Khổng sân Trình* mà nó lan tỏa vào mọi ngõ ngách, tầng lớp. Sự nở rộ của thể loại văn học chữ Nôm như truyện thơ, hát nói, ngâm khúc... khiến cho văn học trở nên gần gũi với cuộc sống đời thường của quần chúng nhân dân. Có nhiều tác phẩm được viết bằng thể thơ và ngôn ngữ dân tộc đã rất nổi tiếng, để lại ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống quần chúng. Tầng lớp bình dân có thể ngâm ca thuộc lòng và tạo được một sự rung cảm nhất định.

Giống như những thế hệ Thiền sư cầm bút trước đây, Toàn Nhật thiền sư đã dùng văn học để truyền bá giáo lý nhà Phật rộng rãi cho quần chúng nhân dân hồng kiến tạo nên cuộc sống an lạc. Thiền sư đã diễn đạt ý nghĩa giáo pháp Phật Đà một cách dễ dàng, chi tiết, không vòng vo, mỹ ngữ.

Vì ranh giới thể loại văn và ngâm khúc cũng như các thể loại dân tộc khác chưa được phân định rõ ràng nên khi tìm hiểu thể văn trong sáng tác của Toàn Nhật thiền sư, chúng tôi chỉ tìm hiểu những tác phẩm được gọi tên chính thức là văn. Những tác phẩm thể loại văn của Toàn Nhật thiền sư gồm: *Hứa sử truyện văn*, *Tam giáo nguyên lưu ký* (*Thích ca Phật văn*), *Bát Nhã đạo quốc âm văn*, *Tham thiên văn*, *Thiền cơ yếu ngữ văn*, *Xuất gia tôi lạc tỉnh thế tu hành văn*, *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ văn*, *Xuất gia văn*.

2.3. Những đặc điểm thể văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật

Về mặt hình thức thể loại, Văn của thiền sư Toàn Nhật được sáng tác bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát, ngoài ra còn được viết bằng thể thơ cổ phong. Đặc biệt, thiền sư Toàn Nhật còn đan xen những bài kệ tứ tuyệt trong một vài truyện văn như trong *Tam giáo nguyên lưu ký*, *Tham thiên văn*, *Xuất gia văn*.

Về mặt ngôn ngữ, tất cả những bài văn của thiền sư đều được viết bằng chữ Nôm.

Dung lượng tác phẩm của thiền sư Toàn Nhật rất đồ sộ. Có những truyện văn 92 câu (*Xuất gia văn*) nhưng cũng có truyện văn lên đến 4486 câu (*Hứa sử truyện văn*). Nếu so với những truyện văn như *Tư Dung văn*, *Ngọa Long cương văn* của Đào Duy Từ hay *Ai tư văn* của Ngọc Hân công chúa thì dung lượng những bài văn của Toàn Nhật nhiều gấp bội.

Văn của thiền sư Toàn Nhật trước hết mang tính ca ngợi, tán dương Phật pháp, đề cập đến cuộc sống tu hành như các truyện văn *Xuất gia tôi lạc tỉnh thế tu hành văn*, *Tham thiên văn*, *Thiền cơ yếu ngữ văn*, *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ văn*, *Xuất gia văn*.

Tác giả là một thiền sư, là một “tín hành” của Phật nên điều đầu tiên đó là sự ca ngợi về giáo pháp của Phật Tổ:

Cho nên Phật Tổ Như Lai
Tấm lòng lân mẫn ra đời cứu dân
Uy linh khiếp phục ma quân
Đạo cao ba cõi ơn nhuần muôn phương
Vị lai quá khứ soi tường
Địa phủ đã thấy thiên đường lại thông

Tim hiểu thể loại Văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài

Quang minh phước huệ vô cùng
Nhiều đường phương tiện một lòng từ bi.

[*Tam giáo nguyên lưu ký, c.427-434*]

Đồng thời thấy rõ chân tâm cốt tủy, tỏ ngộ con đường tu đạo:

Đèn kia sáng bởi vì tim
Đốt thì thấy tỏ lộ tìm đâu xa
Phật trong nhà thật là rất báu
Biết tu trì đại đạo ắt nên.

[*Thiền cơ yếu ngữ văn, c.121- 124*]

Hay:

Thầy nay ngẫm lại mà coi
Mười phương Phật Thánh là người làm sao
Xưa cũng chúng sanh cùng nhau
Trước đà thoát khỏi trầm lao trong đời
Đều làm nên Phật nên trời
Thầy còn biển khổ giữa với lênh đênh

[*Hứa Sĩ truyện văn, c.739-744*]

Thấy rõ được điều tất yếu của cuộc sống, của sự tu hành:

Nên hư các sự bởi mình
Việc trong tội phước dữ lành chóng cân
Nhân nào quả ấy ta phân
Đạo chẳng ân cần phước lộc đặng đâu
Làm người cho biết lo sâu
Khó giàu sang hèn đạo đức khó loi

[*Hứa Sĩ truyện văn, c.981-986*]

Không chỉ ca ngợi Phật giáo, khuyến răn con đường tu đạo bằng hình ảnh, tư tưởng nhà Phật mà thiền sư Toàn Nhật còn so sánh với những tư tưởng khác như Nho giáo, Đạo giáo để thấy rõ hơn nguồn gốc Tam giáo, rõ hơn tầng bậc giải thoát của mỗi tư tưởng.

Nho gia tỏ rõ như sao
 Chói lòa tinh đấu ai nào chẳng hay
 Đạo gia đường nguyệt trong thay
 Bắc Nam ánh giải đông tây sáng ngời
 Thích gia ví tợ mặt trời
 Đâu đâu soi thấu đời đời quang minh.

[*Tam giáo nguyên lưu ký*, c.25-28]

Thế Văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật đều mang tính chất luận đề. Những luận đề nêu lên hoàn toàn mới mẻ, mang tính thời đại sâu xa, thể hiện rõ nét bản lĩnh tư duy của nhân dân ta trước những vấn đề trọng đại của đất nước. Chẳng hạn trong *Hứa sử truyện văn*, Toàn Nhật đã nêu lên những luận đề mà Lê Mạnh Thát cho rằng rất quan trọng và mới mẻ, gồm: 1) Đập tan chủ nghĩa tôn quân chuyên chế và cực đoan, phá vỡ cái trật tự phong kiến quân sự phụ hàng ngàn năm đè lên đầu lên cổ nhân dân; 2) Đề cao lao động, bởi lao động sẽ đưa con người đến chân lý và xây dựng một đời sống tình cảm trong sáng và phong phú, làm cơ sở cho đạo đức con người; 3) Nêu cao chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu, “luận đề này tương đối mới mẻ, bởi vì trong lịch sử văn học cổ điển nước ta chưa bao giờ chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu thực tiễn được bàn cãi một cách thẳng thắn trong liên hệ với lý thuyết tình thương và vấn đề vi phạm đến quyền sống của người khác” [6, tập 1, tr.70].

Ngôn ngữ được thiền sư Toàn Nhật sử dụng mang tính chất ngôn ngữ bình dân. Mục đích truyền bá tư tưởng của Toàn Nhật thiền sư là muốn cho “muôn họ Phật đài đều lên”. Cho nên ngôn ngữ được sử dụng cần phải làm sao cho dễ hiểu, dễ thấm vào lòng người dân lao động. “Có thể nói, ngôn ngữ của Toàn Nhật đã khai sáng cho một loại ngôn ngữ mới của văn học Việt Nam. Thứ ngôn ngữ đó thoát thai từ nhân dân để phục vụ lại nhân dân. Nó không là thứ ngôn ngữ trau chuốt, yếu điệu, vay mượn và rập khuôn theo ngôn ngữ nước ngoài” [6, tập 1, tr.84].

Nhược điểm thể loại văn của Toàn Nhật thiền sư trước hết đó là việc gieo vần và bắt nhịp. Về cơ bản thì một khổ song thất lục bát cần tuân thủ niêm luật:

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu thất	-	-	Trắc	-	Bằng	-	Trắc	
Câu thất	-	-	Trắc	-	Bằng	-	Trắc	
Câu lục	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng		
Câu bát	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng	-	Bằng

Tìm hiểu thể loại Văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài

Trong các truyện văn của thiền sư Toàn Nhật thì sự gieo vần bằng trắc có sự khác biệt. Chẳng hạn trong *Xuất gia tôi lạc tỉnh thế tu hành văn* gồm 52 khổ song thất lục bát thì có 47 khổ gieo vần bằng ở chữ thứ ba câu thất thứ nhất; *Tham thiên văn* gồm 37 khổ song thất lục bát thì có 35 khổ gieo vần bằng ở chữ thứ ba câu thất thứ nhất; *Thiền cơ yếu ngữ văn* gồm 39 khổ, chỉ gieo vần trắc ở chữ thứ ba câu thất thứ nhất duy nhất một khổ. Chẳng hạn:

Đại từ bi rộng lòng hỷ xả

Cho nên từ ngời cả kim luân

Nước thành voi ngựa bảo trân

Các điều vui sướng muôn phần bỏ đi

[*Xuất gia tôi lạc tỉnh thế tu hành văn*; c.17-20]

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu thất	-	-	<u>Bằng</u>	-	Bằng	-	Trắc	
Câu thất	-	-	<u>Bằng</u>	-	Trắc	-	Bằng	
Câu lục	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng		
Câu bát	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng	-	Bằng

Nhờ tiên duyên bồ đề giống trước

Vẹn một minh mới đặng ba thân

Máy thiền rộng thẳm vô phân

Tri âm lãnh ngộ thấy gần chẳng xa.

[*Tham thiên văn*; c.3- 6]

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu thất	-	-	<u>Bằng</u>	-	Bằng	-	Trắc	
Câu thất	-	-	<u>Bằng</u>	-	Bằng	-	Bằng	
Câu lục	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng		
Câu bát	-	Bằng	-	Trắc	-	Bằng	-	Bằng

Với cách gieo vần và bắt nhịp trên, ta có thể thấy đây là trường hợp lạ. Cấu trúc song thất lục bát trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật là trường hợp rất đặc biệt bởi thiền sư sáng tác ở thời kỳ mà thể thơ này đã hoàn chỉnh với lối bắt vần phổ biến ở chữ thứ năm. Tuy nhiên, không thể nói rằng Toàn Nhật viết song thất lục bát không đúng quy định, vấn đề chỉ là thiền sư viết khác cách so với quy tắc niêm luật phổ biến mà

thôi. Trong thơ của Toàn Nhật còn nhiều đoạn bị lạc vần, theo chú thích của Lê Mạnh Thát có lẽ là do tình hình sao chép văn bản nhầm lẫn, chẳng hạn trong *Xuất gia tối lạc tỉnh thế tu hành văn*:

Quyết một lòng tu đường khổ hạnh

Chấn sáu năm Tuyết lãnh quạnh hiu

Cơ hàn tân khổ ghê phen

Pháp truyền rộng nhiệm làm nêu dạy người.

[*Xuất gia tối lạc tỉnh thế tu hành văn*, c.21-24]

Trên tình hình văn bản hiện có ta thấy văn song thất lục bát của Toàn Nhật thiếu uyển chuyển, mượt mà. Truyện văn của thiền sư Toàn Nhật còn lặp lại ý, thậm chí là lặp đoạn dài ở nhiều tác phẩm khiến thơ của thiền sư trở nên lan man, dàn trải.

Một đặc điểm thể loại văn trong sáng của thiền sư Toàn Nhật chính là sự xen kẽ những bài kệ ngẫu hứng, bất chợt. Chẳng hạn trong *Hứa Sứ truyện văn*, sau câu 2288 thì liền có bài kệ:

“Viên minh thật tướng như như
Nương thuyền bát nhã thoát đưa lên ngàn

Hai ông nhân thuở thừa nhàn

Bút đề nên kệ vài hàng ngâm nga

Thanh Sơn kệ rằng:

Phật với chúng sanh trước ngõ xa

Đến nay mới tỏ ở một nhà

Bằng ai vô niệm thời mới thấy

Những chúng hữu tình kiếm chẳng ra

Đến chùng xét lại cho tột gốc

Vốn thời không Phật cũng không ta

Hứa Sứ kệ rằng:

Tây phương tịnh độ ngõ là xa

Ngày nay mới biết nội Ta bà

Gạn lóng tấm lòng cho thanh tịnh

Rõ ràng trước mặt trở liên hoa

Tịnh độ Di Đà không phân cách

Tóm thời cũng ở một lòng ta”.

[*Hứa Sứ truyện văn*]

Tìm hiểu thể loại Văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài

Hoặc trong *Tam giáo nguyên lưu ký*, sau câu 1143 đến câu 1145 liền có bài kệ:

“Thiền môn khẩn khắc tu hành
Bốn mươi ba tuổi tánh lành chút thông
Soạn làm một kẻ mừng lòng
Để cho người thế cũng đồng xem coi
Kệ rằng:
Dày tròn vắng vắng sáng lầu lầu
Pháp giới ba ngàn chiếm một bầu
Vạc báu hương đưa muôn cõi lạ
Của vàng hoa nở những sen màu
Hằng sa Bồ tát đà truyền ký
Vô số thanh văn chịu thọ cầu
Hành giả muốn tìm cho thấy Phật
Linh Sơn vốn thật ở tâm đầu
Kệ thôi giác lẽ đâu hơn
Sống lâu là Phật, cao quyền là vua...”.

[Tam giáo nguyên lưu ký]

Mặc dù xen kẽ các bài kệ khiến cho mạch văn bị gãy khúc, không liền mạch nhưng đây chính là dụng ý của tác giả. Trong các bộ kinh Phật giáo hầu như đều sử dụng bài kệ sau khi kết thúc một bài thuyết kinh với mục đích tóm tắt lại nội dung phần vừa thuyết. Ở đây, thiền sư Toàn Nhật đã đưa các bài kệ vào thể văn vừa để tóm tắt nội dung trước đó, vừa để nhấn mạnh điều muốn nói khiến người nghe chú ý hơn.

Như vậy, nội dung truyện văn của Toàn Nhật rất phong phú bên cạnh hình thức có nhiều điểm khác lạ. Với ngôn từ bình dân, nội dung tư tưởng Phật giáo đã được chuyển tải một cách dễ dàng.

3. ĐÓNG GÓP CỦA THỂ VĂN TRONG SÁNG TÁC CỦA THIỀN SƯ TOÀN NHẬT VỚI NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM

Thiền sư Toàn Nhật trước hết là một nhà tu hành, một thiền sư có ảnh hưởng lớn đối với Phật giáo Việt Nam. Ngài đã tiếp nối truyền thống tư tưởng đạo Phật và nâng tầm tư tưởng ấy đi sâu vào đời sống của nhân dân. Đồng thời, thiền sư còn là một nhà thơ, nhà văn với số lượng tác phẩm đồ sộ, đóng góp vào sự phát triển nền văn

học Việt Nam. Riêng thể loại văn đã có 8 truyện được gọi chính danh với dung lượng đồ sộ, gồm: *Hứa Sĩ truyện văn* viết theo thể lục bát gồm 4486 câu; *Tam giáo nguyên lưu ký* viết theo thể lục bát gồm 1210 câu và 11 bài kệ thất ngôn; *Bát Nhã ngộ đạo văn* viết theo thể cổ phong xen lục bát gồm 324 câu 2 bài kệ; *Xuất gia tối lạc tình thế tu hành văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 208 câu; *Tham thiền văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 190 câu và 2 bài kệ; *Thiền cơ yếu ngữ văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 168 câu; *Hoán tình trần tâm khuyến tu tịnh độ văn* viết theo thể lục bát gồm 104 câu; *Xuất gia văn* viết theo thể lục bát gồm 92 câu và 3 bài kệ. Với số lượng tác phẩm và dung lượng của từng tác phẩm, có thể nói rằng, bút lực của thiền sư rất dồi dào. Với thể loại văn này, thiền sư đã đóng góp rất lớn trong việc nâng số lượng tác phẩm sáng tác theo thể loại văn, góp phần khẳng định thể loại văn học dân tộc. Thể văn trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật đã tiếp nối dòng chảy của nền văn học dân tộc và đã tạo nên nguồn mạch dồi dào cho sự hoàn thiện thể loại Văn nói riêng, thể loại Ngâm khúc, truyện Nôm nói chung về sau này.

Với tầm sáng tác của thiền sư Toàn Nhật như vậy nhưng vị thế của ngài vẫn chưa được xác định xứng đáng. Như lời của Lê Mạnh Thát, “so sánh toàn bộ những tác phẩm trên với những tác phẩm hiện biết của những tác gia khác, ta thấy nổi bật ngay với tầm mức vĩ đại của sự nghiệp Toàn Nhật. Gần hai trăm năm qua, tên tuổi của ông đã bị vùi lấp và những tác phẩm đó phần lớn trở thành những tác phẩm vô danh vô chủ.”[6, tập 1, tr.37]. Hay chẳng cần có những chuyên khảo đi sâu tìm hiểu giá trị tư tưởng, giá trị văn học để khẳng định sự đóng góp của thiền sư Toàn Nhật, xác định được vị thế xứng đáng trong nền văn học Phật giáo, văn học dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức (1971), *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thị Việt Hằng (2015), *Văn học Phật giáo thế kỷ XVII - XIX*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Hình Phước Liên, “Truyện thơ và bài văn ở Khánh Hòa”, Website: <http://www.ninhhoatoday.net/stbkky87-7.asp>
- [4]. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo Dục.
- [5]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo Dục.
- [6]. Lê Mạnh Thát (2005), *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài*, tập 1- 2, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- [7]. Đào Thị Thu Thủy, “Về thể loại ngâm khúc”, *Tạp chí nghiên cứu Văn học*, số 2 năm 2005.

**A STUDY OF SAD SONG (VAN)
WITHIN THE WORK OF ZEN MASTER TOAN NHAT QUANG DAI**

Phan Thanh

University of Social Sciences and Humanities, VNU-Hanoi

Email: thichchandao@gmail.com

ABSTRACT

Zen Master Toan Nhat Quang Dai is not only an enlightened monk of Vietnamese Buddhism but also a great author of Vietnamese literature. To this day, his position within the national literature is still inadequate to his writings legacy. The writings of Zen Master Toan Nhat Quang Dai belong to various genres in which Sad song is the prominent choice. Studying about Sad song (Van) not only helps evaluate his contribution but also provides a broader view on the characteristics of Thuan Quang's literature.

Keywords: Zen Master Toan Nhat Quang Dai, Genre, Writings, Sad song.



Phan Thanh sinh ngày 19/9/1990 tại Huế. Năm 2012, ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Văn học tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2015, ông tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Văn học Việt Nam tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2016, ông bắt đầu làm Nghiên cứu sinh chuyên ngành Văn học Việt Nam tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam.